

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện công tác công khai theo Thông tư số 09/2024/ TT-BGDĐT  
Năm 2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Trường Thọ

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ Trụ sở chính: Thôn Ngọc Chử, xã Trường Thọ, huyện An Lão, hải Phòng.

- Điện thoại: 0904599059

- Địa chỉ thư điện tử: thtruongtho@anlao.edu.vn

- Trang thông tin điện tử : <https://thtruongthonc.haiphong.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- **Sứ mạng:** Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập, rèn luyện nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao trong hệ thống các trường Tiểu học Huyện An Lão, mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

- **Tầm nhìn**

Trường Tiểu học Trường Thọ là một trường tiểu học công lập có chất lượng Giáo dục đại trà cao, nổi bật trong khả năng kiến tạo hạnh phúc cho từng thành viên và trở thành mô hình điển hình của ngôi trường thực sự hạnh phúc, học sinh có kỹ năng sống hợp tác và thích ứng với môi trường.

- **Mục tiêu chung:** Duy trì, phát triển các tiêu chuẩn nhà trường đạt chuẩn quốc gia, trường Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế của xã hội.

- Hoàn thành Xây dựng trường Chuẩn mức độ 2 vào năm 2025.

- Tập trung xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, tiên tiến, hiện đại; có đủ các điều kiện thực hiện tốt chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

+ Trường được thành lập năm 1990.



- + Sửa chữa và công nhận trường đạt Kiểm định mức độ 3 năm 2018.
- + Trong các năm gần đây: là Tập thể Lao động tiên tiến .

Năm học 2020-2021: Đạt tập thể Lao động xuất sắc, được nhận Bằng khen của UBND thành phố

#### 6. Thông tin người đại diện:

- + Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Trà
- + Chức vụ: Hiệu trưởng
- + Địa chỉ nơi làm việc: Cơ sở 1: Thôn Ngọc Chừ, xã Trường Thọ, xã An Trường Hải Phòng.

Cơ sở 2: Thôn Xuân Đài, xã Trường Thọ, xã An Trường Hải Phòng.

+ Địa chỉ thư điện tử: Nguyenthithanhtra@anlao.edu.vn

+ Số điện thoại: 0904599059

#### 7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường:

- Trường Tiểu học Trường Thọ được thành lập theo Quyết định số:684/QĐ-UBND về việc tách trường THCS thành lập trường Tiểu học Trường Thọ

b. Quyết định công nhận hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số: 5902/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND Huyện An Lão.

- Hội đồng trường có 11 thành viên cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Thanh Trà	Bí thư Chi bộ- HT
2	Hoàng Thị Nội	Phó bí thư Chi bộ- PHT
3	Chu Thị Luyện	Phó Hiệu Trưởng
4	Trần Thị Hải Yến	Chủ tịch công đoàn-TT tổ 1
5	Bùi Thị Thu Hà	Bí thư Đoàn Thanh niên
6	Nguyễn Thị Ngát	Tổ trưởng tổ 3
7	Nguyễn Thị Trang	Tổ trưởng tổ 4
8	Phạm Thu Thủy	Tổ trưởng tổ 5
9	Nguyễn Thanh Bình	Thư ký HĐ
10	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phó CTUBND xã Trường Thọ
11	Nguyễn Quang Tùng	Trưởng Ban ĐDCMHS

c. Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường:

Chủ tịch HĐ trường được công nhận theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND Huyện An Lão.

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng trường	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Trà	ĐHTH	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	

d. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: Quyết định 102/QĐ -UBND ngày 25/7/2025 về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 103 /QĐ-UBND này 25/7/2025 của ủy ban nhân dân xã An Trường về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý

e. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Trường Thọ thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục và Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

**g. Chức năng, nhiệm vụ**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống nhà trường.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường theo đúng chương trình giáo dục phổ thông 2018. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động.
- Thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh đầu cấp; Thực hiện nhiệm vụ Phổ cập giáo dục theo quy định; Huy động các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.
- Tổ chức quản lý bộ máy CBGV, NV-NLĐ theo quy định
- Quản lý bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, quản lý và sử dụng tài sản công.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**f. Sơ đồ tổ chức bộ máy**

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 021 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
  - + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
  - + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.
  - + Tổ chức Đoàn đội: có 14 lớp sao nhi đồng và 10 chi đội.
  - + Ban đại diện CMHS.
  - + Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 Văn phòng
- d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

**e. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:**

- Chức năng: Trường Tiểu học Trường Thọ là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường chịu chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND xã An Trường. Đồng thời trường chịu sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Thông tư số 28/202/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- Nhiệm vụ: Trường Tiểu học Trường Thọ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

**g. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:** Chiến lược phát triển của trường Tiểu học Trường Thọ; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường.

## I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

**I. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo**

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	IV	III	II	Tốt	Kh	Đạ t	CD	
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	48		2	38	7	1		0							
I	<b>Giáo viên</b>	43			36	7				25	18	32	11			
	Trong đó số giáo viên văn hóa:	37			30	7			0	24	14	27	8			
	Tổng PT đội	1			1						1	1				
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ	3			3						2	2				
3	Tin học	0			0											
4	Âm nhạc	1			1						1	1				
5	Mỹ thuật	1			1					1		1				
6	Thể dục	0			0						0					
<b>II Cán bộ quản lý</b>																
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2				
<b>III Nhân viên</b>																
1	Kế toán, văn thư	1			1						1	1				
2	Thủ quỹ															
3	Y tế	0														
4	Thư viện, thiết bị	1				1			1				1			
5	Nhân viên công nghệ thông tin	0														
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0														

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:**

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và 2 đồng chí Phó hiệu trưởng đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt 100%

Giáo viên: 43 đồng chí giáo viên, đạt loại tốt đạt tỉ lệ: 32 = 74.4%; 11 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ 11/43 = 25.6%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 48/48 = 100% ( trong đó 03 CBQL; 43 GV; 02 NV)\

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Khối phòng học tập</b>	28/28	
<b>1</b>	<b>Phòng học</b>	28	
a	Phòng kiên cố	24/24	54 m <sup>2</sup> / phòng
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
<b>2</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>	6	
2.1	Phòng học Âm nhạc	1	50 m <sup>2</sup>
2.2	Phòng học Mỹ thuật	1	50 m <sup>2</sup>
2.3	Phòng học KH-CN	1	50 m <sup>2</sup>
2.4	Phòng học Tin học	1	50 m <sup>2</sup>
2.5	Phòng học NN	1	50 m <sup>2</sup>
2.6	Phòng đa chức năng	1	50 m <sup>2</sup>
<b>II</b>	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>	5	
1	Thư viện	1	74 m <sup>2</sup>
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	40 m <sup>2</sup>
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	20 m <sup>2</sup>
4	Phòng Đội Thiếu niên	1	40 m <sup>2</sup>
5	Phòng truyền thống	1	45 m <sup>2</sup>
<b>III</b>	<b>Khối phòng hành chính- quản trị</b>	4	
1	Phòng Hiệu trưởng	1	45 m <sup>2</sup>
2	Phòng Phó HT	1	45 m <sup>2</sup>
3	Văn phòng	1	45 m <sup>2</sup>
4	Phòng bảo vệ	1	18 m <sup>2</sup>
<b>IV</b>	<b>Khối phụ trợ</b>	6	
1	Phòng họp - GV	1	90 m <sup>2</sup>
2	Phòng Y tế trường học	1	20 m <sup>2</sup>
3	Nhà kho	2	20 m <sup>2</sup>
4	Khu để xe học sinh	2	100 m <sup>2</sup>

<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		<b>Số bộ/lớp</b>
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	28 bộ	
1.1	Khối lớp 1	6 bộ	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	6 bộ	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	5 bộ	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	5 bộ	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	6 bộ	1 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	80	<b>Số học sinh/bộ</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	35	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	28	
5	Thiết bị khác:- Máy in	06	
6	Bảng tương tác	02	

	Nội dung	Số lượng(m <sup>2</sup> )				
X	Nhà bếp	30 m <sup>2</sup>				
XI	Nhà ăn	70 m <sup>2</sup>				
	Nội dung	Số	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	250 m <sup>2</sup>	210	1,2		
XIII	Khu nội trú	Không				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	200 m <sup>2</sup>	100/100	0,2	0.2/0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt (*Sách giáo khoa lớp 5*) Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1  
SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG  
Năm học 2025- 2026**

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bằng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Mĩ thuật 1	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success

Danh sách này có 9 bản sách

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2  
SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025- 2026**

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành	Nhà xuất bản	Kết nối tri

	2	Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Giáo dục Việt Nam	thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Dắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyển, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB Giáo dục VN	Global Success

Danh sách này có 9 bản sách

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3  
SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG  
Năm học 2025- 2026**

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân	Nhà xuất bản	Kết nối tri

	và Xã hội 3	(Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam	thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biên, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Tiếng Anh 3	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success

Danh sách này có 11 bản sách

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4  
SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026**

1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quốc Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	chất 4			
6	Âm nhạc 4	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật 4	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Lịch sử & Địa lý 4	Vũ Minh Giang ( Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ ( Tổng Chủ biên phần Lịch sử cấp Tiểu học), Nguyễn Thị Thu Thủy ( Chủ biên phần Lịch sử) Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng( Tổng Chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5  
SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026**

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.		Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Mĩ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success

Danh sách này có 12 bản sách

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2			x		
Tiêu chí 1.3			x		
Tiêu chí 1.4			x		
Tiêu chí 1.5			x		
Tiêu chí 1.6			x		
Tiêu chí 1.7			x		
Tiêu chí 1.8			x		
Tiêu chí 1.9			x		
Tiêu chí 1.10			x		
<b>Tiêu chuẩn 2</b>					
Tiêu chí 2.1			x		
Tiêu chí 2.2	x				Có 07 GV chưa đạt chuẩn đào tạo
Tiêu chí 2.3	x				Thiếu nhân viên vị trí: CNTT,
Tiêu chí 2.4			x		
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					
Tiêu chí 3.1			x		
Tiêu chí 3.2	x				Còn thiếu các phòng học bộ môn: CN, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật theo quy định Thông tư 13/2020-BGD
Tiêu chí 3.3			x		

Tiêu chí 3.4			x		
Tiêu chí 3.5	x				Còn thiếu diện tích phòng thiết bị; Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp.
Tiêu chí 3.6			x		
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

#### 1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chuẩn	Kết quả		Nội dung chưa đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 1		x	
Tiêu chuẩn 2	x		Tỷ lệ GV đạt chuẩn chưa đạt
Tiêu chuẩn 3	x		Thiếu Nhà tập Đa năng, Phòng học theo quy định Thông tư 13/2020/BGD
Tiêu chuẩn 4		x	
Tiêu chuẩn 5	x		Chất lượng GD chưa vượt trội so với các trường

**Kết luận:** Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 3

1.2. *Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Phần đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.*

## **2. Kế hoạch cải tiến.**

### ***\*Năm học 2025-2026***

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá cơ sở GDPT theo tinh thần Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thấy rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động trong công việc của mình được giao, góp phần hoàn thiện báo cáo, thu thập minh chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đăng ký kiểm định với cấp trên.

Năm học 2025-2026, thực hiện theo 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện sự chỉ đạo của UBND xã An Trường trường tiểu học Trường Thọ xây dựng phần đầu đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS và trường PT có nhiều cấp học: Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT kiểm tra, tư vấn

### ***\*Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.***

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả

các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh: Thực hiện theo kế hoạch 113/KH-THTT ngày 14/6/2025 của trường Tiểu học Trường Thọ về việc tuyển sinh trẻ vào lớp 1 năm học 2025 – 2026.

Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực tế	Ghi chú
1	Khối lớp 1	180	180	

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối năm học 2025- 2026

stt	Nội dung	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Số lớp	6	6	6	5	5
2	Số học sinh	182	194	176	163	150
3	Số HS bình quân/lớp	30	32	29	32	30
4	Số HS nam/HS nữ	89/93	97/97	95/81	87/76	82/68
5	HS người dân tộc		2			1
6	HS khuyết tật, hoà nhập	2	4	2	1	1
7	Học sinh chuyển trường	0	0	0	0	0
8	Học sinh tiếp nhận	2	0	0	0	0

## 2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-

2025

Xếp loại năng lực, phẩm chất: Đánh giá 886 học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	886	195	172	162	145	212
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	886	195	172	162	145	212
III	Số học sinh học hòa nhập	10	4	2	1	0	3

VI	<b>Số học sinh chia theo kết quả giáo dục</b>						
1	Hoàn thành xuất sắc	488	111	90	89	78	120
	Tỉ lệ % so với tổng số	55.1	56.9	52.3	54.9	53.8	56.6
2	Hoàn thành Tốt	289	62	62	52	51	62
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.6	31.8	36.0	32.1	35.2	29.2
3	Hoàn thành	106	20	20	20	16	30
	(tỷ lệ so với tổng số)	12.0	10.3	11.6	12.3	11.0	14.2
4	Chưa hoàn thành	2	2	0	1	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.2	1.0	0.0	0.6	0.0	0.0
VI	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>						
1	<b>Hoàn thành chương trình lớp học</b>	883	193	172	161	145	212
	(tỷ lệ so với tổng số)	99.7	99.0	100	99.383	100	100
a	HS được khen thưởng cấp trường	777	173	152	141	129	182
	(tỷ lệ so với tổng số)	87.7	88.7	88.4	87.0	89.0	85.8
b	HS được cấp trên khen thưởng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	<b>Ở lại lớp (Rèn luyện trong hè)</b>	3	2	0	1	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.3	1.0	0.0	0.6	0.0	0.0

Lĩnh vực		Tốt		Đạt		CĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực	Tự phục vụ, tự quản/ Tự chủ	806	91.7	71	8.1	2	0.2
	Hợp tác/ Giao tiếp	819	93.2	58	6.6	2	0.2
	Tự học/ Giải quyết vấn đề	805	91.6	72	8.2	2	0.2
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	825	93.9	52	5.9	2	0.2
	Tính toán	804	91.5	73	8.3	2	0.2
	Khoa học	822	93.5	55	6.3	2	0.2
	Thẩm mỹ	836	95.1	41	4.7	2	0.2
	Thể chất	852	96.9	25	2.8	2	0.2
	Công nghệ/ lớp 3,4	487	94.4	28	5.4	1	0.2

	Tin học ( Lớp 3,4)	488	94.6	27	5.2	1	0.2
<b>Phẩm chất</b>	Chăm học, chăm làm/ Chăm chỉ	870	99.0	7	0.8	2	0.2
	Tự tin, trách nhiệm	822	93.5	55	6.3	2	0.2
	Trung thực , kỉ luật	849	96.6	29	3.3	1	0.1
	Đoàn kết, yêu thương/ Nhân ái	874	99.4	5	0.6		0.0
	Yêu nước ( Lớp 1,2,3,4)	876	99.7	3	0.3		0.0

**-Chất lượng học sinh giỏi:**

Môn	Cấp Huyện	Cấp Thành phố	Cấp Quốc gia
Son ca	ba	Giải nhì	
Hát dân ca		Nhất	

**2.2. Kết quả dạy và học**

- Tổng số HS của trường 886 em .
- + Đánh giá định kỳ cuối năm học các môn học theo quy định: 99.75 % HS đạt điểm 5 (năm) trở lên;
- + Học sinh Hoàn thành chương trình lớp học: đạt 99.6 %
- + HS hoàn thành chương trình Tiểu học : 212 em đạt tỉ lệ 100%
- + Kết quả khảo sát cuối năm lớp 1,2,3,4,5 đạt 99.6%
- + Hoàn thành XS: 486 học sinh Đạt 54.8 %; Hoàn thành tốt: 293 học sinh, Đạt 33 %
- + 779 HS/886 HS đạt tỉ lệ: 87.9 % học sinh được khen thưởng

**\*Chất lượng cuối năm**

Khối lớp	Tổng số học sinh	HS HTCT lớp học		HS được khen	
		TS	HS lưu ban	XS	Tiêu biểu
Lớp 1	193	191	2	111	61
Lớp 2	170	170		90	62
Lớp 3	162	161	1	89	52
Lớp 4	145	145	0	78	51
Lớp 5	209	209	0	120	62
<b>CỘNG</b>					
<b>G</b>	879	876	3	488	293

**IV.KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm học 2024-2025
----	-----------------	-------------	-------------------

	Số học sinh thực học	865	886
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>		
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
<b>2</b>	<b>Thu khác theo NQ 02/ HDND TP</b>		
2.1	Quản lý HS ngoài giờ chính khóa (tiết)	10.000	8.000
2.2	Kỹ năng sống (theo tháng)	40.000	40.000
2.3	Tiếng anh người VN K1+2 (theo tháng)	80.000	80.000
2.4	Tiếng anh người nước ngoài (theo tháng)	140.000	140.000
2.5	Bán trú (suất ăn theo tháng)	29.000	29.000
2.6	Trông trưa bán trú (theo tháng)	120.000	100.000
2.7	Hỗ trợ CSVN học 2 buổi/ngày (tháng)	30.000	30.000
2.8	Trông coi xe (theo tháng)	20.000	20.000
2.9	Nước uống bình (theo năm học)	90.000	90.000
<b>3</b>	<b>Thu theo công văn hướng dẫn</b>		
3.1	BHYT học sinh	631.800	884.520
3.2	Vòng tay bè bạn (Quy đổi từ giấy vụn, phế liệu, ...)	40.000	40.000
<b>4</b>	<b>Tài trợ giáo dục (huy động bằng tiền)</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên từ Nhà nước</b>		
1	Chi lương, các khoản theo lương	9721951	10785000000
2	Chi chuyên môn nghiệp vụ + CSVN, ...	1269000	820000000
3	Bù biên chế thiếu	283601	180000000
4	Thu nhập tăng thêm theo NQ05/HĐND	1529250	
	Thưởng theo NĐ73	520000	
<b>II</b>	<b>Chi từ các khoản thu theo NQ 02</b>		
1	Chi trả công ty liên kết, cung cấp	2200105000	2264322962
2	Chi giáo viên dạy và công tác quản lý, ...	540200000	584801200
3	Chi cho cơ sở vật chất	119200500	128248600
4	Chi phúc lợi chung	112203000	117153800
5	Chi nộp thuế	32501950	34219746
<b>III</b>	<b>Thu theo công văn hướng dẫn</b>		
1	BHYT học sinh	650096000	780590960
2	Vòng tay bè bạn (Quy đổi từ giấy vụn,	34040000	34420000

## V.KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1.Việc triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Hải Phòng, Phòng GD&ĐT An Lão và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể bằng nhiều hình thức (nghiên cứu tài liệu, học tập trực tuyến, thảo luận trong các tổ khối...). Thường xuyên theo sát việc triển khai việc dạy học chương trình sách giáo khoa các khối lớp 1,2,3,4, để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp. Tiếp tục chuẩn bị tốt các điều kiện cho chương trình SGK lớp 5

Nhà trường chủ động tham mưu với UBND xã, Phòng GD&ĐT trong việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024-2025.

### 2.Các điều kiện giáo dục:

Nhận thức rõ về hiệu quả của công tác bồi dưỡng, nhà trường luôn coi công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên vì giáo viên là người trực tiếp làm lên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Do vậy ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là nâng cao tay nghề cho giáo viên.

Thực hiện dạy đúng và đủ chương trình các môn học theo Kế hoạch Giáo dục và quy định, đồng thời quan tâm giáo dục toàn diện; thực hiện các chương trình tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng công dân số cho học sinh vào các môn học. . . thông qua đó làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn trú trọng, quan tâm đổi mới PPDH, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, sử dụng TBDH hiện có nhiều tiết hội giảng, nhiều đồng chí giáo viên đã sử dụng CNTT vào bài dạy, trong năm học nhà trường đã thực hiện tốt về quản lý HSSS điện tử, chất lượng và hiệu quả

giờ dạy được nâng lên rõ rệt. Kết quả cụ thể:

+ Kết quả bồi dưỡng giáo viên CTGDPT 2018: 100% cán bộ giáo viên đã tham gia bồi dưỡng CTGDPT 2018 đạt kết quả cao theo yêu cầu.

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVTH: Tốt:  $32/43 = 74.4\%$ ; Khá:  $11/43 = 25.6\%$

+ Giáo viên giỏi: Cấp Huyện: 10; Tỷ lệ :  $23.2\%$ ; cấp Thành phố: 04, tỷ lệ:  $9.3\%$

### **3. Công tác xây dựng CSVC, xây dựng trường chuẩn quốc gia:**

Nhà trường quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy, học. Trường có 36 ti vi 55 in và 41 máy tính có kết nối Internet; 2 màn hình thông minh. Trong đó số máy tính cho 02 phòng Tin học là 36 máy. Trường có 02 phòng học thông minh; các phòng học bộ môn như Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh. Phần đầu Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III trong tháng 8/2026.

### **4. Công tác quản lý:**

- Công tác tham mưu: nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tăng cường tu bổ và xây dựng bổ sung hoàn thiện CSVC đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2

- Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch năm học: Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT, các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên bằng nhiều hình thức và có kế hoạch ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá, xếp loại công bằng dân chủ và được công khai trước tập thể sư phạm nhà trường

- Công tác quản lý tài chính, tài sản: Công tác tài chính được công khai, dân chủ, được bàn bạc trước hội đồng nhà trường. Chi tiêu tiết kiệm, chi đúng mục đích nhằm kịp thời động viên giáo viên và học sinh trong các hoạt động và các phong trào của nhà trường.

## 5. Công tác Đảng và các đoàn thể:

Thường xuyên triển khai và cập nhật đến cán bộ, đảng viên, cán bộ nhân viên nhà trường các Chi thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT ; thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản chỉ đạo, quy định của ngành.

Xây dựng được mối đoàn kết, tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của Chi bộ - BGH - Đoàn TN - Các tổ chức đoàn thể khác; hàng tuần đều họp giao ban để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của trường đạt hiệu quả.

**6. Công tác xã hội hóa giáo dục:** Với mục tiêu chung tay vì sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thường xuyên huy động các nguồn lực từ các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhà hảo tâm để góp phần xây dựng nhà trường đáp ứng sự kỳ vọng và phát triển.

## 7. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Trường Thọ theo mẫu Phụ lục 1 Kèm Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT nhà trường công khai đến đội ngũ CBGV-NV nhà trường, các bậc phụ huynh để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

**Nơi nhận:**

- Website:
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Thanh Trà